

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2025/HNGĐ-PT

Ngày: 04/9/2025

V/v: Xin ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Tại điểm cầu trung tâm: Trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Sơn La.

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Tuấn Long.

Các thẩm phán: Ông Phạm Tuấn Minh - Bà Lại Thị Hiếu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Quyên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hoa - Kiểm sát viên.

Tại điểm cầu thành phần: Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 - tỉnh Sơn La.

- Các đương sự:

+ Nguyên đơn: Ông Nguyễn Như T, sinh năm; 1960. Địa chỉ: Tổ dân phố 4, phường MS, thị xã Mộc Châu, tỉnh Sơn La (nay là tổ dân phố 4, phường M S, tỉnh Sơn La). Có mặt.

+ Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1962. Địa chỉ: Tổ dân phố 4, phường MS, thị xã Mộc Châu, tỉnh Sơn La (nay là tổ dân phố 4, phường MS, tỉnh Sơn La). Có mặt.

Ngày 04 tháng 9 năm 2025, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La và điểm cầu thành phần trụ sở Toà án nhân dân khu vực 6 - tỉnh Sơn La; Xét xử trực tuyến phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2025/TLPT-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2025 về việc; Xin ly hôn. Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 113/HNGĐ-ST ngày 30/6/2025 của Tòa án nhân dân thị xã Mộc Châu, (nay là Tòa án nhân dân khu vực 6 - tỉnh Sơn La) bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 10/2025/QĐ-PT ngày 12 tháng 8 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2025/QĐ-PT ngày 26 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Như T, sinh năm 1960. Địa chỉ: Tổ dân phố 4, phường MS, thị xã Mộc Châu, tỉnh Sơn La (nay là tổ dân phố 4, phường M S, tỉnh Sơn La).

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1962. Địa chỉ: Tổ dân phố 4, phường MS, thị xã Mộc Châu, tỉnh Sơn La (nay là tổ dân phố 4, phường MS, tỉnh Sơn La).

3. Người kháng cáo: Bị đơn bà Nguyễn Thị T.

4. Cán bộ Tòa án: Ông Đinh Công Dương - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 - tỉnh Sơn La.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 26/3/2025, bản tự khai tại Tòa án và lời trình bày tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn ông Nguyễn Như T trình bày:

Về tình cảm: Ông và bà Nguyễn Thị T kết hôn với nhau từ năm 1985, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hồng Dương, huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Tây (cũ) (nay là xã DH, Thành phố Hà Nội). Quá trình chung sống vợ chồng hòa hợp hạnh phúc đến năm 2016 thì xảy ra mâu thuẫn, từ đó cho đến nay vợ chồng ông bà không hoà thuận hạnh phúc, thường xuyên va chạm, cuộc sống bất an, sức khoẻ giảm sút, ông đã cảnh báo với bà Thu nhiều lần nhưng vợ ông không nghe, còn thách thức “Không chịu được thì ra Tòa”, ông đã sống ly thân với bà T từ đầu năm 2025 cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung vợ chồng không thể kéo dài, ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Thị T.

Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng ông, bà sinh được 03 con chung, cháu Nguyễn Như Ngọc A, sinh 1986, cháu Nguyễn Như A, sinh ngày 17/11/1988, cháu Nguyễn Thị L, sinh 27/12/1990. Hiện nay các con chung của ông, bà đã trưởng thành đều đã xây dựng gia đình.

Về tài sản chung: Ông và bà Nguyễn Thị T tự nguyện thỏa thuận phân chia, không kê khai và không yêu cầu đề nghị Tòa án phải giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bà và ông Nguyễn Như T kết hôn với nhau từ năm 1985, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hồng Dương, huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Tây (cũ) (nay là xã DH, Thành phố Hà Nội). Bà T xác nhận trong cuộc sống vợ chồng có va chạm nhưng chưa đến nỗi phải ly hôn, do đó bà không nhất trí ly hôn để vợ chồng đoàn tụ với gia đình.

Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng ông bà có 03 con chung, cháu Nguyễn Như Ngọc A, sinh 1986; cháu Nguyễn Như A, sinh năm 1988; cháu Nguyễn Thị L, sinh năm 1990. Hiện nay các con chung đã trưởng thành và đi xây dựng gia đình.

Về tài sản chung: Nếu ly hôn bà và ông Nguyễn Như T tự nguyện thỏa thuận phân chia, không kê khai, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về vay nợ chung: Vợ chồng ông, bà không vay nợ ai.

* Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 113/2025/HNGĐ-ST ngày 30/6/2025 của Tòa án nhân dân thị xã Mộc Châu (nay là Tòa án nhân dân khu vực 6 - tỉnh Sơn La) đã xét xử và Quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 177, Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Về hôn nhân: Xử cho ông Nguyễn Như T được ly hôn với bà Nguyễn Thị T.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự theo luật định.

Do không nhất trí với bản án sơ thẩm, ngày 11/7/2025 bà Nguyễn Thị T làm đơn kháng cáo với nội dung kháng cáo: Không nhất trí ly hôn với ông Nguyễn Như T và tại quá trình giải quyết vụ án xin ly hôn tại Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm thủ tục tố tụng.

* Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị đơn bà Nguyễn Thị T giữ nguyên nội dung kháng cáo, không nhất trí ly hôn với ông Nguyễn Như T.

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

* Kiểm sát viên phát biểu việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, đã chấp hành và thực hiện đúng trình tự thủ tục được quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên đề nghị: Xét đơn kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị T trong hạn luật định đảm bảo về hình thức, không có căn cứ chấp nhận về nội dung.

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015:

Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị T, giữ nguyên bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 113/2025/HNGĐ-ST ngày 30/6/2025 của Tòa án nhân dân thị xã Mộc Châu (nay là Tòa án nhân dân khu vực 6 - tỉnh Sơn La).

Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn bà Nguyễn Thị T là người cao tuổi đề nghị miễn án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; ý kiến trình bày của các đương sự; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án và thủ tục tố tụng tại cấp sơ thẩm: Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 26/3/2025 của ông Nguyễn Như T, yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Thị T. Nguyên đơn ông Nguyễn Như T và bị đơn bà Nguyễn Thị T đều có hộ khẩu thường trú và cư trú tại: Tổ dân phố 4, phường MS, thị xã Mộc Châu, tỉnh Sơn La (nay là tổ dân phố 4, phường MS - tỉnh Sơn La). Tòa án nhân dân thị xã Mộc Châu (nay là Tòa án nhân dân khu vực 6 - tỉnh Sơn La) thụ lý sơ thẩm để giải quyết vụ án xin ly hôn và xác định quan hệ pháp luật là có căn cứ, đúng quy định, đúng thẩm quyền được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Thủ tục giải quyết vụ án xin ly hôn của Tòa án cấp sơ thẩm đúng theo trình tự tố tụng được quy định tại phần thứ hai của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thời hạn kháng cáo: Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 113/2025 ngày 30/6/2025 của Tòa án nhân dân thị xã Mộc Châu (nay là Tòa án nhân dân khu vực 6 - tỉnh Sơn La) đã tuyên quyền kháng cáo, kháng nghị theo quy định. Đến ngày 11/7/2025, Tòa án nhân dân thị xã Mộc Châu (nay là Tòa án nhân dân khu vực 6 - tỉnh Sơn La) nhận được đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị T. Nội dung đơn kháng cáo của bị đơn thực hiện đúng nội dung, trình tự, trong thời hạn luật định, hợp lệ về hình thức, đúng chủ thể, đảm bảo về thủ tục và nội dung theo quy định tại Điều 271, Điều 272, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, được chấp nhận xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo, Hội đồng xét xử xét thấy:

Ông Nguyễn Như T và bà Nguyễn Thị T kết hôn với nhau từ năm 1985, kết hôn trên cơ sở tự nguyện không bị ai ép buộc, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hồng Dương, huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Tây (cũ) (nay là xã DH, Thành phố Hà Nội). Hai vợ chồng ông bà chung sống hạnh phúc với nhau cho đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là bất đồng quan điểm trong cuộc sống từ đó cuộc sống vợ chồng không hoà thuận hạnh phúc, thường xuyên va chạm về mặt tinh thần, ông bà đã sống ly thân với nhau từ đầu năm 2025 cho đến nay. Tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm ông T xác nhận tuy vợ chồng còn chung sống trong một nhà, nhưng thực tế ông T và bà T đã ly thân với nhau, cuộc sống vợ chồng không ai quan tâm đến ai, cương quyết đề nghị xin ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn vợ, chồng ông Nguyễn Như T và bà Nguyễn Thị T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Tòa án nhân dân thị xã Mộc Châu (nay là Tòa án nhân dân khu vực 6 - tỉnh Sơn La) đã giải quyết và xét xử cho ông Nguyễn Như T được ly hôn với bà Nguyễn Thị T là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật được quy định tại Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Tại cấp sơ thẩm và cấp phúc thẩm ông Nguyễn Như T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn, nhất trí với bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã Mộc Châu (nay là Tòa án nhân dân khu vực 6 - tỉnh Sơn La), đề nghị không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị T. Tại cấp phúc thẩm, bị đơn Nguyễn Thị T giữ nguyên nội dung kháng cáo. Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị T không có căn cứ chấp nhận, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La về việc giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ đúng quy định của pháp luật, cần chấp nhận.

Từ những phân tích, nhận định nêu trên không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị T, giữ nguyên bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị T là người cao tuổi, được miễn án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị T, giữ nguyên Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 113/2025/HNGĐ-ST ngày 30/6/2025 của Tòa án nhân dân thị xã Mộc Châu (nay là Tòa án nhân dân khu vực 6 - tỉnh Sơn La) như sau:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 177, Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Về hôn nhân: Xử cho ông Nguyễn Như T được ly hôn với bà Nguyễn Thị T.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Miễn án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) cho bị đơn bà Nguyễn Thị T.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án (ngày 04/9/2025)./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sơn La;
- TAND khu vực 6;
- UBND xã D H, thành phố Hà Nội;
- UBND Phường MS, tỉnh Sơn La;
- Phòng THADS khu vực 6, tỉnh Sơn La;
- VKSND khu vực 6;
- Các đương sự;
- Phòng GĐT, KT và TT, THA;
- Tổ hành chính tư pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Tuấn Long

